

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-J-150 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-J-150 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice
District Court Division
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực

County
Quận/hạt

IN THE MATTER OF
VỀ VỤ

ORDER FOR
NONSECURE CUSTODY
(ABUSE/NEGLECT/DEPENDENCY)

Name And Address Of Juvenile
Tên và địa chỉ của trẻ chưa thành niên

LỆNH TẠM NUÔI
TẠI NGOẠI
(VÌ TRƯỜNG HỢP NGƯỢC ĐAI/THIẾU QUAN TÂM/
TƯỚC QUYỀN GIÁM HỘ TRẺ EM)

Juvenile's Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Age Race Sex
Ngày sinh của trẻ chưa thành niên Tuổi chủng tộc Giới tính

G.S. 7B-502 through -505.1, -508
G.S. 7B-502 đến -505.1, -508

Name And Address Of Parent/Guardian/Custodian/Caretaker
Tên và địa chỉ của Phụ huynh/Người giám hộ/Người giám thủ/Người nuôi giữ trẻ

Name And Address Of Parent/Guardian/Custodian/Caretaker
Tên và địa chỉ của Phụ huynh/Người giám hộ/Người giám thủ/Người nuôi giữ trẻ

Based upon the verified petition, this Court has jurisdiction over the subject matter of this proceeding and of the person of the juvenile.
Căn cứ vào thông tin trong đơn xin được xác nhận, Tòa Án này có thẩm quyền đối với nội dung và trẻ chưa thành niên trong vụ án này.

1. As grounds for the issuance of this Order, the Court finds that there is a reasonable factual basis to believe that the matters alleged in the petition are true, that there are no other reasonable means available to protect the juvenile, and (check one or more)
Để làm căn cứ cho Lệnh này, Tòa Án xác nhận có đủ cơ sở thực tế và hợp lý để tin rằng những lời tố cáo trong đơn xin là đúng sự thật, rằng không có phương pháp khả thi nào khác để bảo vệ trẻ chưa thành niên này, và rằng (đánh dấu một hay nhiều ô)
- a. the juvenile has been abandoned.
a. trẻ chưa thành niên này đã bị bỏ rơi.
- b. the juvenile has suffered physical injury or sexual abuse.
b. trẻ chưa thành niên này đã bị thương tích hay lạm dụng tình dục.
- c. the juvenile is exposed to a substantial risk of physical injury or sexual abuse because the parent, guardian, custodian, or caretaker has created conditions likely to cause injury or abuse or has failed to provide, or is unable to provide, adequate supervision or protection.
c. trẻ chưa thành niên này có nhiều nguy cơ bị thương tích hay lạm dụng tình dục bởi vì phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã tạo hoàn cảnh dễ khiến cho trẻ bị thương tích hay lạm dụng, hoặc đã không giám sát, bảo vệ trẻ đúng mức, do cố ý hay vì không có khả năng.
- d. the juvenile is in need of medical treatment to cure, alleviate, or prevent suffering serious physical harm which may result in death, disfigurement, or substantial impairment of bodily functions, and the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker is unwilling or unable to provide or consent to the medical treatment.
d. trẻ chưa thành niên này cần được chăm sóc y tế để chữa trị, làm thuyên giảm hay phòng ngừa một vấn đề thể chất nghiêm trọng có thể dẫn đến tử vong, biến dạng hay tình trạng suy yếu chức năng cơ thể trầm trọng, và phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã không cung cấp sự chăm sóc hay cho phép trẻ được chăm sóc y tế, do cố ý hay vì không có khả năng.
- e. the parent, guardian, custodian, or caretaker consents to the nonsecure custody order.
e. phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đồng ý với lệnh tạm nuôi tại ngoại này.
- f. the juvenile is a runaway and consents to nonsecure custody.
f. trẻ chưa thành niên này đã bỏ trốn khỏi nhà và đồng ý với lệnh tạm nuôi tại ngoại này.
2. Efforts by DSS to prevent or eliminate the need for the juvenile's placement were reasonable and include:
Phòng Dịch Vụ Xã Hội (DSS) đã có những nỗ lực phòng ngừa hay giải quyết vấn đề hợp lý để khỏi phải đưa trẻ đến nơi tạm nuôi, bao gồm:

OR
HOẶC

(Over)
(Xem mặt sau)

3. Efforts to prevent the need for the juvenile's placement were precluded by an immediate threat of harm to the juvenile, and placement of the juvenile in the absence of such efforts was reasonable. *(Describe immediate threat of harm.)*
Không có nỗ lực phòng ngừa nào để tránh phải đưa trẻ chưa thành niên này đến nơi tạm nuôi vì có mối đe dọa trước mắt có thể gây hại cho trẻ, và việc đưa trẻ đến nơi tạm nuôi là hợp lý cho dù không có nỗ lực tìm cách khác trước. *(Miêu tả mối đe dọa gây hại trước mắt.)*

4. Based on the above findings the Court concludes that it is contrary to the juvenile's welfare to remain in the home.
Căn cứ vào các sự việc được xác nhận trên, Tòa Án kết luận rằng việc để trẻ chưa thành niên này tiếp tục sống ở nhà là không phù hợp với nhu cầu bảo vệ sự hạnh phúc, an nguy của trẻ.

4a. Based on an inquiry of the petitioner, the Court finds that the petitioner does not know knows has reason to know that the juvenile is an Indian Child.

Căn cứ vào việc hỏi kỹ người nộp đơn, Tòa Án xác nhận rằng người đó không biết biết lẽ ra cần phải biết rằng trẻ chưa thành niên này là người Thổ Dân.

(if applicable) Following the inquiry, the Court instructed the petitioner to notify the Court if petitioner subsequently obtains information that provides reason to know that the juvenile is an Indian Child.

(nếu thích hợp) Sau khi hỏi xong, Tòa Án chỉ dẫn người nộp đơn phải thông báo cho Tòa Án nếu sau này người đó được biết thông tin nào cho thấy rằng có lý do để tin rằng trẻ chưa thành niên này là người Thổ Dân.

4b. *(if applicable)* The juvenile is an Indian Child and a member of or eligible for membership in the _____ tribe.
(nếu thích hợp) Trẻ chưa thành niên này là người Thổ Dân đồng thời là thành viên hoặc hội đủ điều kiện trở thành thành viên của bộ lạc _____.

(if applicable) Emergency removal or placement is necessary to prevent imminent physical damage or harm to the Indian Child.

(nếu thích hợp) Việc đưa trẻ Thổ Dân này đi khỏi nơi ở hiện tại hoặc đưa đến một nơi tạm nuôi là cần thiết để tránh nguy cơ trước mắt có thể gây thiệt hại hay tổn thương thể chất cho trẻ.

5. Based on the *(check one or both)* petition and request for nonsecure custody, testimony of the petitioner, the Court concludes that a less intrusive remedy than entering private property to take physical custody of the juvenile is not available.

Căn cứ vào *(đánh dấu một hoặc cả hai)* đơn xin kiến nghị Tòa Án ra lệnh tạm nuôi tại ngoại, lời khai của người nộp đơn, Tòa Án kết luận rằng không có cách xử lý nào nhẹ nhàng hơn việc vào khu đất hay căn nhà tư nhân để đưa trẻ chưa thành niên đi.

(Over)
(Xem mặt sau)

TO ANY LAW ENFORCEMENT OFFICER OR DIRECTOR OF A COUNTY DEPARTMENT OF SOCIAL SERVICES
THÔNG BÁO CHO BẤT CỨ NHÂN VIÊN NÀO PHỤ TRÁCH THI HÀNH LUẬT PHÁP HAY QUẢN LÝ PHÒNG DỊCH VỤ XÃ HỘI CỦA QUẬN/HẠT

YOU ARE ORDERED to take physical custody of the above-named juvenile(s) for placement in nonsecure custody and to make due return on this Order. You are also ordered to give a copy of this Order to the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker named above.

QUÝ VỊ ĐƯỢC LỆNH đưa (các) trẻ chưa thành niên có tên trên đây đi khỏi nơi đang ở và giao cho một nơi tạm nuôi tại ngoại, sau đó lập văn bản hồi báo cho Lệnh này theo đúng thủ tục. Quý vị cũng được lệnh đưa một bản sao của Lệnh này cho phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ chưa thành niên có tên trên đây.

The juvenile(s) shall be placed in nonsecure custody with:

Tòa Án giao (các) trẻ chưa thành niên này cho nơi tạm nuôi tại ngoại dưới đây:

1. the Department of Social Services of the county named above. The department may place the juvenile in a licensed foster home, a home otherwise authorized by law to provide temporary residential care, a facility operated by the department, or the home of a parent, relative, nonrelative kin, or other person with legal custody of a sibling, which the Court hereby approves:

Phòng Dịch Vụ Xã Hội của quận/hạt nêu trên. Cơ quan này có thể sắp xếp cho trẻ ở với một gia đình tạm nuôi có giấy phép, một gia đình mà bằng cách khác được luật pháp cho phép tạm nuôi trẻ tại nhà, một cơ sở do Phòng Dịch Vụ Xã Hội quản lý, hoặc ở với một phụ huynh, người thân có hay không có quan hệ bà con với trẻ, hay một người khác đang có quyền giám hộ hợp pháp đối với anh chị em của trẻ và được Tòa Án chấp nhận theo lệnh này:

The department is authorized to arrange for, provide, or consent to routine medical and dental care or treatment including, but not limited to, treatment for common pediatric illnesses and injuries that require prompt intervention; emergency medical, surgical, psychiatric, psychological, or mental health care or treatment; and testing and evaluation in exigent circumstances unless pursuant to G.S. 7B-505.1(a), the court orders the following exceptions to the department's authorization: _____ (if blank, the department has no exceptions to the statutory authorization).

Phòng Dịch Vụ Xã Hội được ủy quyền thu xếp, cung cấp hay cho phép các dịch vụ chăm sóc y tế và nha khoa theo định kỳ hoặc các dịch vụ điều trị, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc điều trị các căn bệnh và chấn thương thường gặp ở trẻ em mà phải được điều trị ngay; chăm sóc hay điều trị khẩn cấp về y tế, phẫu thuật, tâm lý, tâm thần, hay sức khỏe tinh thần; và xét nghiệm hay đánh giá trong trường hợp khẩn cấp, trừ phi Tòa Án ra lệnh quy định các ngoại lệ đối với việc ủy quyền cho Phòng chiếu theo G.S. 7B-505.1(a):

_____ (nếu để trống thì nghĩa là không có ngoại lệ nào đối với các quyền pháp định được ủy quyền cho Phòng).

- The department is authorized to consent to treatment the medical provider recommends in order to cure, alleviate, or prevent the juvenile from suffering physical harm, pursuant to 1.d set forth above as a ground for nonsecure custody. Phòng Dịch Vụ Xã Hội được ủy quyền cho phép thực hiện các phương pháp điều trị theo khuyến nghị của một chuyên viên y khoa để chữa trị, làm thuyên giảm bệnh hoặc giúp trẻ chưa thành niên tránh bị thương tổn thể chất chiếu theo mục 1(d) nêu trên, là căn cứ cho lệnh tạm nuôi tại ngoại này.
- The department is authorized to consent to a Child Medical Evaluation. The following findings demonstrate the director's compelling interest in having the juvenile evaluated prior to the hearing on the need for continued nonsecure custody: _____ . Phòng Dịch Vụ Xã Hội được ủy quyền cho phép thực hiện việc Đánh Giá Tình Trạng Y Tế của Trẻ. Các xác nhận sau đây chứng minh rằng người quản lý có lý do chính đáng để sắp xếp một buổi đánh giá sức khỏe của trẻ trước khi ra tòa để xác định nhu cầu tiếp tục tạm nuôi trẻ tại ngoại: _____ .

(Over)
(Xem mặt sau)

2. (designate person, if the Court places the juvenile directly, not through DSS) _____
 (chỉ định người tạm nuôi, nếu Tòa Án trực tiếp sắp xếp nơi tạm nuôi cho trẻ thay vì thông qua Phòng Dịch Vụ Xã Hội) _____
 A further hearing to determine the need for continued nonsecure custody, whether with DSS or someone else shall be held:
 Tòa Án sẽ mở một phiên tòa tiếp theo để xác định xem nơi tạm nuôi tại ngoại, cho dù đó là Phòng Dịch Vụ Xã Hội hay nơi khác, nên tiếp tục nuôi giữ trẻ hay không:

Date Of Hearing (mm/dd/yyyy) Ngày phiên tòa (tháng/ngày/năm)	Time Of Hearing Giờ phiên tòa <input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều	Place Of Hearing Địa điểm phiên tòa
---	--	--

3. The juvenile is a member of a State-recognized tribe. The Department of Social Services shall notify the juvenile's State-recognized tribe of the need for nonsecure custody for the purpose of locating relatives or nonrelative kin for placement.
 Trẻ chưa thành niên này là thành viên của một bộ lạc thổ dân được Tiểu Bang công nhận. Phòng Dịch Vụ Xã Hội sẽ thông báo cho bộ lạc thổ dân được Tiểu Bang công nhận đó rằng trẻ chưa thành niên này cần được tìm một nơi tạm nuôi tại ngoại, để họ có thể sắp xếp nơi ở cho trẻ với một người có hay không có quan hệ bà con.
4. The Department of Social Services shall make diligent efforts to notify relatives and, if applicable, other persons with legal custody of the juvenile's sibling, of nonsecure custody and subsequent hearings.
 Phòng Dịch Vụ Xã Hội sẽ nỗ lực hết sức để thông báo tới những người bà con và người khác (nếu có) có quyền giám hộ hợp pháp đối với anh/chị/em của trẻ chưa thành niên, để họ biết về phiên tòa liên quan đến lệnh tạm nuôi tại ngoại và các phiên tòa tiếp theo.

TO ANY LAW ENFORCEMENT OFFICER
THÔNG BÁO CHO BẤT CỬ NHÂN VIÊN NÀO PHỤ TRÁCH THI HÀNH LỆNH PHÁP

- (No. 5 on Side One must be checked) YOU ARE AUTHORIZED to enter private property to take custody of the juvenile.
 and you are authorized to make forcible entry at any hour if that is required by exigent circumstances of the case.
 (Phải đánh dấu vào mục số 5 ở mặt một) QUÝ VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN đi vào các khu đất hay căn nhà tư nhân để đưa trẻ chưa thành niên đi.
 và quý vị được ủy quyền xâm nhập nhà vào bất kỳ giờ nào nếu cần thiết vì các hoàn cảnh khẩn cấp.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Judge/Judge's Designee Chữ ký của Thẩm Phán/Người được Thẩm Phán chỉ định
Maximum Duration Of Custody Thời hạn giám hộ tối đa	Name Of Judge/ Judge's Designee (type or print) Tên của Thẩm Phán/ Người được Thẩm Phán chỉ định (đánh máy hay viết chữ in) <input type="checkbox"/> Judge Thẩm Phán <input type="checkbox"/> Judge's Designee Người được Thẩm Phán chỉ định

If the person above gives telephonic approval:
Nếu người có tên trên cho phép qua điện thoại:

Time Giờ <input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều	Name And Title Of Person Receiving Telephonic Approval Tên và chức danh của người nhận sự cho phép qua điện thoại	Signature Of Person Receiving Telephonic Approval Chữ ký của người nhận sự cho phép qua điện thoại
---	--	---

RETURN ON ORDER
PHẢN HỒI BẢO LỆNH TÒA

Date Order Received (mm/dd/yyyy) Ngày nhận Lệnh (tháng/ngày/năm)	Date Order Returned (mm/dd/yyyy) Ngày hồi báo cho Lệnh (tháng/ngày/năm)
---	--

1. The juvenile named in this Order was taken into custody at _____ AM PM, on (date (month/day/year)) _____, and taken to _____
 Trẻ chưa thành niên có tên trong Lệnh này được đưa ra khỏi nơi ở vào lúc _____ sáng chiều (ngày (tháng/ngày/năm)) _____, và được giao cho _____
 I gave a copy of this Order to the person named below.
 Tôi đã đưa một bản sao của Lệnh này cho người có tên dưới đây.
2. Though diligently sought, the juvenile named in this Order could not be found in this county. (Add any comments or information about the juvenile's possible whereabouts.)
 Cho dù chúng tôi đã nỗ lực hết sức nhưng không thể tìm được trẻ chưa thành niên có tên trong Lệnh ở quận/hạt này. (Ghi thêm bất cứ nhận xét hay thông tin nào về những nơi có thể tìm được trẻ.)

Name Of Person Who Has Personally Received A Copy Of This Order (type or print) Tên của người đã trực tiếp nhận được bản sao Lệnh này (đánh máy hay viết chữ in)	Signature And Title Of Person Making Return Chữ ký và chức danh của người hồi báo
Relationship To Juvenile Quan hệ với trẻ chưa thành niên	Department Or Agency Phân ban hay Cơ quan